

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 69/2005/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội".

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Bãi bỏ các quy định về xử lý rủi ro cho các đối tượng chính sách vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội gồm:

1. Thông tư Liên tịch số 08/1999/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn giải quyết các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm) bị rủi ro.

2. Thông tư Liên tịch số 16/2000/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư số 08/1999/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 1999 về hướng dẫn giải

quyết các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm) bị rủi ro.

3. Thông tư số 97/1998/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ tín dụng đào tạo.

4. Các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Đối với các khoản nợ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đang được khoanh nợ theo các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời gian khoanh nợ theo các quyết định đó.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

Xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Khách hàng được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, bao gồm:

a) Hộ nghèo;

- b) Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề;
- c) Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120/HĐBT ngày 11 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay được thay thế bằng Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm);
- d) Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;
- đ) Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (nếu có);
- e) Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

1. Quy chế này quy định việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Các khoản nợ bị rủi ro trong cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định mức bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.
3. Các khoản cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khác mà được trích dự phòng rủi ro thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân uỷ thác.

Điều 3. Biện pháp xử lý nợ bị rủi ro

1. Miễn, giảm lãi tiền vay.
2. Xoá nợ.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Khách hàng là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích;

b) Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;

c) Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ cho Ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 5. Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro

Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của Ngân hàng Chính sách xã hội và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các nguyên nhân sau đây được coi là nguyên nhân khách quan

1. Thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng hoặc của dự án.

2. Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng như: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm.